

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của
Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;*

*Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01
tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi
hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định
số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp,
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- PVP UBND tỉnh phụ trách VHXH;
- Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo thuộc VP UBND tỉnh;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Quyên Thanh

QUY ĐỊNH

Chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, trình tự xét công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN) hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến tại tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến, bao gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 3. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện thường xuyên, khi có đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của tác giả hoặc đồng tác giả sáng kiến (sau đây gọi chung là tác giả sáng kiến) và do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ sở).

2. Việc xét công nhận sáng kiến phải bảo đảm tính chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng thực chất; bảo đảm thuận lợi và tạo điều kiện tối đa cho tác giả sáng kiến.

3. Mỗi sáng kiến chỉ được xét công nhận sáng kiến một lần, mỗi cá nhân (hoặc nhóm cá nhân là đồng tác giả) có thể được xét và công nhận nhiều sáng kiến khác nhau cùng một lúc.

Chương II**CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN****Điều 4. Cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến**

Cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 5. Điều kiện xét công nhận sáng kiến

Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Trình tự xét công nhận sáng kiến

1. Yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến làm Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và mẫu đơn theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

b) Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại cơ sở theo Điều 4 của Quy định này.

c) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm, kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu tiên (nếu sáng kiến trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên) và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp năm sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu. Cơ sở có quyền từ chối tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi tác giả (đồng tác giả) nộp sau thời hiệu quy định tại điểm này.

d) Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện thì tác giả (đồng tác giả) phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành.

đ) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả (đồng tác giả) chính là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thì tài liệu kèm theo đơn phải có thêm văn bản về việc chấp thuận công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền.

2. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Cơ sở quy định tại Điều 4 của Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, ghi nhận vào sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và gửi lại người nộp đơn Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

b) Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thực hiện các nội dung sau đây:

Thông báo cho tác giả (đồng tác giả) sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa, bổ sung;

Thông báo cho tác giả (đồng tác giả) sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan và lưu giữ đơn, các tài liệu kèm theo đơn theo quy định;

Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

3. Xét công nhận sáng kiến

a) Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày ra thông báo chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

b) Cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện việc đánh giá điều kiện xét công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

c) Người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến hoặc căn cứ kết quả của Hội đồng sáng kiến (trong trường hợp thành lập Hội đồng sáng kiến) để làm căn cứ công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN;

Trong trường hợp không công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở thông báo bằng văn bản (nêu rõ lý do) cho tác giả (đồng tác giả) có đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

d) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

4. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả (đồng tác giả) sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 7. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến thành lập theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký và các thành viên có chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

2. Phiên họp của Hội đồng phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành cuộc họp Hội đồng và có mặt ít nhất 2/3 số thành viên. Các thành viên vắng mặt phải có phiếu đánh giá và gửi đến Hội đồng trước khi tiến hành cuộc họp.

3. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên Hội đồng độc lập nhận xét, đánh giá sáng kiến bằng Phiếu đánh giá theo Mẫu 01 kèm theo Quy định này.

4. Giải pháp được công nhận là sáng kiến phải đạt ít nhất 2/3 ý kiến của các thành viên Hội đồng đồng ý (số phiếu đạt) và được ghi vào Biên bản kiểm phiếu theo Mẫu 02 kèm theo Quy định này.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy

định tại Điều 6 của Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến.

Điều 8. Xét chấp thuận công nhận sáng kiến do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì phải được đánh giá thông qua Hội đồng sáng kiến của cơ sở quy định tại Điều 7 của Quy định này và trước khi quyết định công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó, thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước

Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thì trước khi quyết định công nhận sáng kiến ở cơ sở phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì kết quả xét công nhận sáng kiến ở cơ sở phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Vĩnh Long việc xem xét chấp thuận công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định.

Các trường hợp khác do cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó xem xét chấp thuận.

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trường hợp không chấp thuận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 9. Quản lý hồ sơ sáng kiến

Cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ sáng kiến theo quy định của pháp luật về lưu trữ để phục vụ việc khai thác, áp dụng sáng kiến và các công việc có liên quan đến hoạt động sáng kiến. Trong quá trình tổ chức

lưu trữ hồ sơ sáng kiến phải giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 10. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ sở có sáng kiến được công nhận có trách nhiệm báo cáo tình hình công nhận sáng kiến cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở có trụ sở để theo dõi và hỗ trợ phổ biến sáng kiến.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình, cụ thể:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyên giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyên giao sáng kiến cho các cơ sở khác trên địa bàn;

c) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

d) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 11. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ sở công nhận sáng kiến; các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích các tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, như:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến.

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc

nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 12. Áp dụng và chuyển giao sáng kiến

1. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Những sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận, đưa vào áp dụng có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi và có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện sáng kiến để phổ biến cho công chúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng kiến đã được ứng dụng hiệu quả để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh về việc thực hiện Quy định này.

c) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến; hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh;

đ) Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo

quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

e) Theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; Định kỳ hàng năm, tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính hằng năm phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương; đảm bảo dựa trên nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức, đơn vị liên quan tư vấn, hướng dẫn tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận tham gia các hội thi, cuộc thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này. Thực hiện rà soát các quy định, quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở.

c) Tổ chức tiếp nhận, thực hiện đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến và xử lý khiếu nại, tố cáo (nếu có) thuộc phạm vi, địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Hằng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động sáng kiến, gửi cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Định kỳ hàng năm, trước ngày 10 tháng 12, báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến của cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) theo Mục 5 Biểu số 10a/SHTT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Kinh phí hoạt động sáng kiến

1. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh từ các nguồn: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, được áp dụng theo Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nội dung và mức chi cho hoạt động sáng kiến gồm: Hội đồng sáng kiến, phổ biến sáng kiến và khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo được thực hiện theo Nghị quyết số 190/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở công nhận sáng kiến tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Tên sáng kiến:
2. Tác giả sáng kiến:
3. Họ và tên thành viên Hội đồng:
4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:

TT	Tên chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	<p>Tính mới: Đạt khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không trùng với nội dung của sáng kiến trong yêu cầu công nhận sáng kiến nộp trước; - Chưa bị bộc lộ công khai trong phạm vi cơ sở bằng mọi hình thức trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được; - Không trùng với sáng kiến của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến; - Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện. <p><i>(Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó)</i></p>		
	<p>Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực</p> <p><i>(Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động quản lý của đơn vị, nâng cao chất lượng công việc, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật,...), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống,</i></p>		

	làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, ...).		
	Kết quả		

Tiêu chuẩn phân loại sáng kiến: Sáng kiến được đánh giá được phân thành 2 loại đạt và không đạt

- Các sáng kiến có hai tiêu chí đạt thì được công nhận là **đạt**
- Các sáng kiến có một hoặc hai tiêu chí không đạt thì là **không đạt**

5. Nhận xét :

- Tính mới:

.....

- Hiệu quả kinh tế:

.....

- Hiệu quả về lợi ích xã hội

.....

- Các ý kiến khác:

.....

....., ngày tháng năm.....

Thành viên Hội đồng

⁽¹⁾Tên cơ sở công nhận sáng kiến;

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

1. Tên sáng kiến:

2. Tên tác giả:.....

3. Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến

4. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra:

- Số phiếu thu về :

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu đánh giá ở mức đạt, không đạt tổng số phiếu hợp lệ:...../.....

· Đạt:/.....

· Không đạt/.....

5. Kết luận: *(Sáng kiến được đánh giá ở mức “Đạt” khi có ít nhất 2/3 số phiếu đánh giá “Đạt” trên tổng số thành viên Hội đồng có mặt)*

· Đạt

· Không đạt

....., ngày tháng năm.....

Thư ký

Chủ tịch hội đồng

⁽¹⁾ Tên cơ sở công nhận sáng kiến;